

Số: 5336/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 27 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 2669/2024/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Tân Đức C, sinh năm 1976;

Số căn cước công dân: 079076021907; Cấp ngày 24/6/2022;

Địa chỉ thường trú: Số A A, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ cư trú: Số E, Đường số I, khu dân cư V, Khu phố E, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Phạm Huỳnh Trúc V, sinh năm 1982;

Số căn cước công dân: 079182009356; Cấp ngày 26/8/2021;

Địa chỉ thường trú: Số B, Đường số A, Khu phố B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ cư trú: Số E, Đường số I, khu dân cư V, Khu phố E, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại thành phố T nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/11/2024 và Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy:

- Về hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 46/KH/05, Quyền số 01/P7 do Ủy ban nhân dân Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/05/2005 thì quan hệ hôn nhân của ông C và bà V là tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, ông C và bà V không còn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Xét quan hệ hôn nhân của ông C và bà V không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Ông C và bà V xác định trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là Tân Phạm Nhã U, sinh ngày 02/11/2005 và trẻ Tân Phạm Khánh N, sinh ngày 11/4/2012. Con chung Tân Phạm Nhã U đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động và năng lực hành vi dân sự do đó ông C, bà V không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Ông C, bà V thỏa thuận giao trẻ Tân Phạm Khánh N, sinh ngày 11/4/2012 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông C cấp dưỡng nuôi trẻ N với mức cấp dưỡng 6.000.000đồng/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 05 (năm) dương lịch hàng tháng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định pháp luật. Xét thỏa thuận này không trái đạo đức, không trái quy định của pháp luật do đó có cơ sở chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông C và bà V xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông C và bà V chịu toàn bộ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tân Đức C và bà Phạm Huỳnh Trúc V thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà V theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 46/KH/05, Quyền số 01/P7 do Ủy ban nhân dân Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/05/2005 chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Con chung Tân Phạm Nhã Uyên, sinh ngày 02/11/2005 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Giao trẻ trẻ Tân Phạm Khánh N, sinh ngày 11/4/2012 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông C cấp dưỡng nuôi 02 trẻ Ngân với mức cấp dưỡng 6.000.000đồng/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 05 (năm) dương lịch hàng tháng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định thì hàng tháng người phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng.

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ của ông C, bà V về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo qui định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông C và bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), ông Tân Đức C và bà Phạm Huỳnh Trúc V chịu toàn bộ, được căn trừ số tiền tạm ứng lệ phí mà ông C, bà V đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu số 0067220 ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Tk. Trang)/.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Ngọc Hiếu**